

Soạn Getting Started trang 16 Unit 7 Tiếng Anh lớp 10 mới**1. Listen and read.**(Lắng nghe và đọc.)**Nội dung bài nghe:**

Maria: Hi Kevin! What are you reading?

Kevin: Hello Maria! I'm reading a book about Vietnamese weddings.

Maria: I see. Do you need the information for a school assignment?

Kevin: Yes. I'm preparing for my presentation about the similarities and differences between a traditional Vietnamese wedding and a modern one.

Maria: That's interesting! So what are the similarities?

Kevin: Both weddings include the proposal ceremony, the engagement ceremony and the wedding ceremony.

Maria: And the differences?

Kevin: The ceremonies are less complicated in modern weddings.

Maria: Sounds better. I guess the bride and groom will be much happier if they don't have to waste money on unnecessary things.

Kevin: Well. in fact, wedding expenses these days are much greater than in the past.

Maria: Why's that? What's the biggest cost?

Kevin: The reception is the most expensive, especially if it is held in a big hotel.

Maria: I guess the couples get support from their families.

Kevin: Yes. of course. Some parents cover most expenses of the wedding. The bride and groom also get money as presents from the guests.

Maria: Sounds good. They're surely the happiest people on their wedding day no matter what the costs are!

Kevin: That's true.

Maria: Well, I have to go now. Good luck with your presentation!

Kevin: Goodbye!

Hướng dẫn dịch:

Kevin: Chào Maria! Mình đang đọc một quyển sách về đám cưới của người Việt Nam.

Maria: Mình biết. Bạn cần thông tin cho bài tập được giao ở trường à?

Kevin: Đúng vậy. Mình đang chuẩn bị một bài thuyết trình về sự giống và khác nhau giữa một đám cưới của người Việt Nam truyền thống và hiện đại.

Maria: Nghe thú vị đây. Vậy điểm giống nhau là gì?

Kevin: Cả hai đều bao gồm lễ cầu hôn (lễ chạm ngõ hay còn gọi là lễ xem mặt, lễ dạm ngõ), lễ đính hôn (lễ ăn hỏi) và lễ cưới.

Maria: Và sự khác nhau?

Kevin: Những buổi lễ sẽ ít phức tạp hơn trong đám cưới hiện đại.

Maria: Nghe hay hơn đây. Mình đoán cô dâu và chú rể sẽ vui hơn nếu họ không phải tốn nhiều tiền cho những thứ không cần thiết.

Kevin: À, thực ra, chi phí đám cưới ngày nay lại nhiều hơn so với trong quá khứ.

Maria: Tại sao vậy? Cái nào tốn nhất?

Kevin: Tiệc chiêu đãi là tốn kém nhất đặc biệt nếu nó được tổ chức trong một khách sạn.

Maria: Mình đoán các cặp đôi nhận được sự hỗ trợ từ gia đình.

Kevin: Dĩ nhiên là có. Vài phụ huynh chi trả hầu hết cho các đám cưới. Cô dâu và chú rể cũng nhận được tiền như là quà từ khách.

Maria: Nghe hay đây. Họ chắc chắn là những người hạnh phúc nhất trong ngày cưới của mình dù cho tốn bao nhiêu!

Kevin: Đúng vậy!

Maria: À, bây giờ mình phải đi rồi. Chúc cậu thuyết trình may mắn!

Kevin: Tạm biệt!

2. What is the conversation about?(Bài đàm thoại nói về gì?)

a. The Vietnamese Wedding (Đám cưới của người Việt Nam)

3. Read the conversation again and answer the questions.(Đọc bài đàm thoại lần nữa và trả lời những câu hỏi.)

Hướng dẫn dịch:

1. Tại sao Kevin đọc một quyển sách về đám cưới người Việt?
2. Điều giống nhau giữa một đám cưới người Việt truyền thống và hiện đại là gì?
3. Lễ cưới thay đổi như thế nào?
4. Các cặp đôi nhận được bất kỳ sự hỗ trợ nào không?
5. Bạn nghĩ gì về những thay đổi này?

1. Because he is preparing for his presentation about similarities and differences between a traditional Vietnamese wedding and a modern one. (Bởi vì cậu ấy đang chuẩn bị cho bài thuyết trình của cậu ta về sự giống và khác nhau giữa một đám cưới của người Việt Nam truyền thống và hiện đại.)

2. They follow the same core procedure which consists of the proposal ceremony, the engagement ceremony and the wedding ceremony. (Họ theo cùng một quy trình căn bản bao gồm lễ dạm ngõ, lễ đính hôn và lễ cưới.)

3. The modern wedding are less complicated. (Lễ cưới hiện đại ít phức tạp hơn.)

4. Yes, they got some help from their parents and the attending guests. (Có, họ nhận được sự giúp đỡ từ cha mẹ và khách tham dự.)

5. They makes the ceremonies more interesting. (Chúng làm cho những buổi lễ thêm hay hơn.)

4. Prepare a short talk about weddings in Viet Nam and report to the whole class. (Chuẩn bị một bài nói ngắn về đám cưới ở Việt Nam và tường trình với cả lớp.)